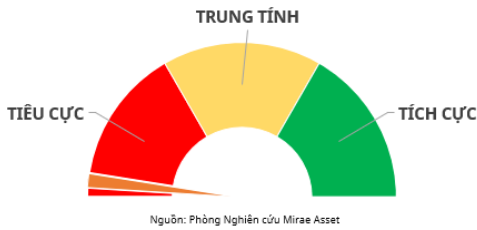


Thang đo sức mạnh thị trường



06 Tháng Mười Hai 2021

# Bản tin cuối ngày

## Việt Nam

### Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,413.58	-2.06	-2.95	38.38
HNX	435.85	-2.99	1.92	185.84
UPCOM	109.19	-2.60	0.91	59.14
MSCI EM	1,224.64	-0.93	-3.12	-2.11
NIKKEI	27,927.37	-0.36	-5.69	4.40
HANG SENG	23,349.38	-1.76	-6.12	-12.99
KOSPI	2,973.25	0.17	0.13	8.85
FTSE	7,176.26	0.76	-1.75	9.56
S&P 500	4,538.43	-0.84	-3.39	22.69
NASDAQ	15,085.47	-1.92	-5.55	21.03

### Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	16.73	2.64	15.84
SET INDEX	19.06	1.72	7.82
JCI INDEX	25.26	2.18	7.64
PCOMP INDEX	23.48	1.75	7.69

### Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	0
5 năm	0.79	0	-2	-37
10 năm	2.09	0	-3	-30

### Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	22,970	-0.77	-1.36	0.69
US\$/KRW	1,183	-0.23	0.05	-8.52
US\$/JPY	113	-0.35	0.03	-8.08
US\$/EUR	0.89	0.20	2.64	7.27
US\$/GBP	0.75	-0.20	2.31	0.91
US\$/SGD	1.37	0.15	-1.61	-2.41

### Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	1,341	1,331	828
HNX	199	176	120
UPCOM	117	120	62

### Định giá VN-INDEX: P/E 10 năm lịch sử



### Nhận định thị trường

#### Tâm lý lo ngại hiện hữu

Dường như tâm lý nhà đầu tư bị ảnh hưởng bởi phiên giảm sâu vào thứ 6 tuần trước cũng như thông tin về sự xuất hiện của biến thể Omicron ở nhiều quốc gia. Ví dụ, dù cho mở phiên đầu tuần khá hứng khởi với lực kéo từ một số Blue-chip, VN-Index vẫn bị lực bán áp đảo và giảm sâu vào cuối phiên, đánh dấu phiên giảm sâu (>2%) thứ 2 liên tiếp. Đóng cửa, VN-Index dừng tại 1.413 điểm, mất 29,7 điểm tương ứng 2% so với phiên giao dịch ngày hôm trước, thanh khoản 3 sàn lần lượt là HOSE: 31.386 tỷ đồng, HNX: 4.093 tỷ đồng, UPCOM: 2.360 tỷ đồng.

Với phiên giảm điểm mạnh như hôm nay, gần như mọi nhóm ngành đều bị tác động và điều chỉnh mạnh. Điểm sáng hiếm hoi nằm ở một vài Blue-chip đã ngược dòng thị trường (PDR, POW, SSI, VIC), qua đó giảm bớt đi phần nào tác động tiêu cực cho VN-Index.

Khá bất ngờ khi hôm nay, khối ngoại lại quay đầu mua ròng với giá trị hơn 310 tỷ đồng, trong đó VHM và SSI được mua ròng nhiều nhất với giá trị lần lượt là 177 tỷ và 128 tỷ. Có thể xem đây là điểm sáng trong phiên điều chỉnh mạnh của thị trường.

Phiên giảm mạnh của thị trường khiến các điểm số kỹ thuật rơi về mức thấp nhất. Hiện điểm số kỹ thuật theo thang điểm của Mirae Asset đang ở mức -7, thể hiện trạng thái TIÊU CỰC trong ngắn hạn. Kết thúc phiên giao dịch hôm nay, hệ số P/E của VN-Index là 16,7x.

**Trần Duy Lam**, Analyst, 84-8-39102222, lam.td@miraeasset.com.vn

#### Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	-7	TIÊU CỰC
VN30	-7	TIÊU CỰC
VN30F1M	-7	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	-6	TIÊU CỰC
VN FIN SELECT	-6	TIÊU CỰC
Shanghai Composite	2	TRUNG TÍNH
Kospi	4	KHẢ QUAN
Nikkei 225	-4	TIÊU CỰC
FTSE 100 (EU)	-2	TRUNG TÍNH
Dow Jones	-4	TIÊU CỰC

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	-7	<b>TIÊU CỰC</b>
VN30	-7	<b>TIÊU CỰC</b>
VN30F1M	-7	<b>TIÊU CỰC</b>
VN DIAMOND	-6	<b>TIÊU CỰC</b>
VN FIN SELECT	-6	<b>TIÊU CỰC</b>

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (06/12/2021)	Kháng cự 1	<b>1.500</b>
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	Kháng cự 2	<b>1.580</b>
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Hỗ trợ 1	<b>1.460</b>
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Hỗ trợ 2	<b>1.400</b>

2 phiên giảm mạnh liên tiếp, VN-Index nhanh chóng quay về ngưỡng 1.400 điểm. Bên cạnh đó, các chỉ báo kỹ thuật cũng đang ở ngưỡng hỗ trợ.

## Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Fdata

## CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (06/12/2021)	1.480,2	Kháng cự 1	<b>1.580</b>
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	<b>TRUNG TÍNH</b>	Kháng cự 2	<b>1.630</b>
VN30 - đóng cửa	1.480,9	Hỗ trợ 1	<b>1.500</b>
Chênh lệch <b>VN30F1M &amp; VN30</b>	<b>-0,7</b>	Hỗ trợ 2	<b>1.480</b>

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	-7	<b>TIÊU CỰC</b>
VN30F1M (chart 60 phút)	-7	<b>TIÊU CỰC</b>
VN30F1M (chart ngày)	-7	<b>TIÊU CỰC</b>

VN30F1M giảm mạnh vào cuối phiên khi VN30 rơi sâu, điểm kỹ thuật giảm xuống mức thấp nhất.

### Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

## TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
FCN	Xây dựng	22,950	7,250,435	87	5	Top sức mạnh ngành

(\*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.

(\*\*) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

### ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
PDR	95.6	4,376,735	6	KHẢ QUAN	47,109	29.5	7.5	418
HDG	74	1,329,690	6	KHẢ QUAN	12,109	15.3	3.2	98
ROS	8.3	26,804,584	5	KHẢ QUAN	4,711	25.7	0.8	222
FCN	22.95	7,250,435	5	KHẢ QUAN	2,879	24.5	1.3	166
G36	23.7	3,384,260	5	KHẢ QUAN	2,412	41.7	2.3	80
VIC	105.6	3,411,325	4	KHẢ QUAN	401,831	84.6	4.0	360
ITA	13.4	25,924,196	3	TRUNG TÍNH	12,574	76.2	1.2	347
NVL	111	3,351,860	2	TRUNG TÍNH	163,570	46.7	4.8	372
HAG	8.63	31,665,610	2	TRUNG TÍNH	8,003	#N/A N/A	1.6	273
DXG	30.2	15,184,555	0	TRUNG TÍNH	18,000	23.3	2.1	459
CEO	39.2	8,039,565	0	TRUNG TÍNH	10,088	#N/A N/A	3.6	315
HHV	23.9	13,094,930	0	TRUNG TÍNH	6,390	41.0	1.0	313
DBC	73.9	2,847,800	0	TRUNG TÍNH	8,516	8.7	1.8	210
HQC	6.31	25,615,600	0	TRUNG TÍNH	3,007	714.1	0.7	162
LCG	20.2	6,569,735	0	TRUNG TÍNH	3,483	10.0	1.6	133
BCG	23.2	5,321,060	0	TRUNG TÍNH	6,903	8.1	2.5	123
NLG	52.9	5,615,895	-2	TRUNG TÍNH	20,190	12.2	2.3	297
POW	13.9	21,121,944	-2	TRUNG TÍNH	32,552	11.2	1.1	294
SCR	18.1	13,788,035	-2	TRUNG TÍNH	6,631	23.5	1.4	250
TPB	47	4,040,345	-2	TRUNG TÍNH	55,069	10.6	2.2	190
TSC	15.9	7,076,335	-2	TRUNG TÍNH	2,348	20.8	1.4	113
VGC	50.9	2,047,720	-2	TRUNG TÍNH	22,821	24.0	3.4	104
VJC	120.5	864,310	-2	TRUNG TÍNH	65,264	432.5	3.8	104
HT1	25.5	3,979,885	-2	TRUNG TÍNH	9,729	21.0	1.7	101
FRT	60	1,365,940	-2	TRUNG TÍNH	4,739	41.5	3.6	82
VIX	31.25	10,328,080	-3	TRUNG TÍNH	8,581	9.5	2.9	323
SSI	51	26,070,860	-4	TIÊU CỰC	50,100	23.5	3.7	1,330
VND	73.9	8,255,005	-4	TIÊU CỰC	32,142	14.6	3.7	610
KBC	49	10,877,125	-4	TIÊU CỰC	27,918	28.7	1.8	533
DCM	35.2	8,109,810	-4	TIÊU CỰC	18,635	20.7	2.8	285
HBC	23.1	11,154,905	-4	TIÊU CỰC	5,600	55.2	1.5	258
IDC	75	2,965,460	-4	TIÊU CỰC	22,500	41.3	5.5	222
MSN	151	1,284,315	-4	TIÊU CỰC	178,261	74.3	8.3	194

GVR	36	4,067,780	-4	TIÊU CỰC	144,000	28.9	2.9	146
VGT	24.5	5,631,750	-4	TIÊU CỰC	12,250	43.0	2.0	138
TTF	10.35	10,799,465	-4	TIÊU CỰC	3,221	#N/A N/A	#N/A N/A	112
HNG	8.4	10,969,750	-4	TIÊU CỰC	9,312	165.4	1.4	92
GEX	38.1	18,680,164	-5	TIÊU CỰC	32,442	24.0	2.8	712
VPB	35.5	17,665,836	-5	TIÊU CỰC	157,814	12.8	2.5	627
SHS	46	10,715,570	-5	TIÊU CỰC	14,962	11.3	3.2	493
FLC	14.55	28,656,344	-5	TIÊU CỰC	10,330	6.8	1.1	417
VCI	72	5,187,200	-5	TIÊU CỰC	23,976	17.3	3.8	373
PAN	36.4	9,113,180	-5	TIÊU CỰC	7,604	35.8	2.1	332
HSG	34.9	8,659,615	-5	TIÊU CỰC	17,223	4.0	1.6	302
NKG	38.35	7,516,880	-5	TIÊU CỰC	8,376	4.1	1.6	288
TCH	20.8	13,540,110	-5	TIÊU CỰC	12,869	15.9	1.3	282
HCM	42.2	6,451,450	-5	TIÊU CỰC	19,309	15.9	3.3	272
VNM	85.3	2,909,270	-5	TIÊU CỰC	178,273	18.9	5.7	248
HDB	29.1	8,452,075	-5	TIÊU CỰC	57,973	10.3	2.1	246
VCG	44.5	4,529,620	-5	TIÊU CỰC	19,519	34.3	3.0	202
PLX	51.7	2,972,720	-5	TIÊU CỰC	65,690	19.5	2.7	154
VIB	40.6	3,252,305	-5	TIÊU CỰC	63,058	11.3	2.8	132
IDI	17.75	6,232,570	-5	TIÊU CỰC	4,041	48.9	1.4	111
ART	13.4	7,187,950	-5	TIÊU CỰC	1,299	137.5	1.1	96
AGR	23.5	4,034,090	-5	TIÊU CỰC	4,982	14.9	2.1	95
DIG	64.4	7,323,800	-6	TIÊU CỰC	32,193	36.7	5.4	472
PVD	26.45	7,745,070	-6	TIÊU CỰC	11,139	289.1	0.8	205
IJC	29.4	6,485,700	-6	TIÊU CỰC	6,383	8.6	1.9	191
LDG	12.55	14,700,510	-6	TIÊU CỰC	3,005	98.8	1.0	184
KDC	56.3	2,312,580	-6	TIÊU CỰC	14,166	27.6	2.4	130
KDH	43.3	2,159,720	-6	TIÊU CỰC	27,839	23.3	2.8	94
HPG	45.75	29,572,624	-7	TIÊU CỰC	204,636	6.5	2.4	1,353
TCB	49	19,600,940	-7	TIÊU CỰC	172,035	9.9	2.0	960
STB	27	24,466,966	-7	TIÊU CỰC	50,901	14.4	1.5	661
VHM	79.7	7,002,355	-7	TIÊU CỰC	347,043	9.6	4.0	558
CTG	32.1	13,138,860	-7	TIÊU CỰC	154,265	9.3	1.6	422
MBB	27.5	15,220,910	-7	TIÊU CỰC	103,904	9.4	1.9	419
SHB	22.05	15,544,380	-7	TIÊU CỰC	58,805	12.0	1.9	343
LPB	20.3	14,250,350	-7	TIÊU CỰC	24,433	8.9	1.5	289
DGC	155.1	1,735,420	-7	TIÊU CỰC	26,586	21.4	5.4	269
DPM	45.25	5,823,085	-7	TIÊU CỰC	17,708	11.3	2.0	263
BSR	20.4	12,913,850	-7	TIÊU CỰC	63,250	#N/A N/A	2.0	263
VRE	28	8,597,005	-7	TIÊU CỰC	63,625	29.4	2.1	241
PVS	24.4	9,801,710	-7	TIÊU CỰC	11,662	20.6	0.9	239
CII	25.2	9,324,880	-7	TIÊU CỰC	6,022	2,128.1	1.3	235
MWG	131.4	1,542,940	-7	TIÊU CỰC	93,666	21.4	5.0	203
FPT	94.5	2,140,020	-7	TIÊU CỰC	85,756	21.3	5.0	202
ACB	32.3	6,058,035	-7	TIÊU CỰC	87,273	9.0	2.1	196
SBT	22.5	7,448,660	-7	TIÊU CỰC	14,156	21.1	1.7	168
GMD	46.8	3,510,100	-7	TIÊU CỰC	14,285	32.8	2.4	164
SBS	17	8,967,325	-7	TIÊU CỰC	2,153	1,874.3	10.4	152

ORS	26.3	5,755,370	-7	TIÊU CỰC	5,260	#N/A N/A	2.5	151
APS	41.4	3,296,780	-7	TIÊU CỰC	3,229	9.7	3.5	136
FIT	13.35	9,904,895	-7	TIÊU CỰC	3,507	23.2	1.1	132
AAA	16.25	7,746,665	-7	TIÊU CỰC	5,305	15.4	1.1	126
GAS	92	1,328,525	-7	TIÊU CỰC	176,083	21.5	3.6	122
BID	41.95	2,673,300	-7	TIÊU CỰC	168,724	17.1	2.0	112
ASM	18.9	5,893,045	-7	TIÊU CỰC	4,893	8.5	1.0	111
HAH	65.9	1,644,240	-7	TIÊU CỰC	3,215	11.3	2.5	108
DGW	121	777,455	-7	TIÊU CỰC	10,696	24.5	7.4	94
MBS	36.9	2,522,205	-7	TIÊU CỰC	9,874	16.6	3.0	93
PVT	22	4,198,960	-7	TIÊU CỰC	7,120	9.0	1.4	92
DPG	79	1,149,445	-7	TIÊU CỰC	4,977	13.2	4.0	91
TVC	19.1	4,749,715	-7	TIÊU CỰC	1,979	3.5	1.3	91
NDN	19.5	4,588,185	-7	TIÊU CỰC	1,397	4.8	1.4	89
VCB	95.4	924,145	-7	TIÊU CỰC	353,827	16.7	3.2	88
CTS	38	2,202,585	-7	TIÊU CỰC	4,043	13.6	2.5	84
BVH	57.5	1,445,975	-7	TIÊU CỰC	42,684	23.3	2.0	83
DRC	33.2	2,455,310	-7	TIÊU CỰC	3,944	12.6	2.3	82

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

## Thông tin cập nhật

### Chứng khoán châu Á giảm, nhà đầu tư tiếp tục lo ngại Omicron

Chỉ số MSCI châu Á – Thái Bình Dương không gồm Nhật Bản giảm 0,58%. Tại Nhật Bản, Nikkei 225 giảm gần 1%, Topix giảm 0,79%. Chỉ số Hang Seng của Hong Kong giảm 1,3%. Cổ phiếu công nghệ Trung Quốc niêm yết tại Hong Kong đều lao dốc như JD mất hơn 5%, Tencent giảm 1%, Alibaba giảm gần 8% sau khi công ty thông báo Toby Xu, phó giám đốc tài chính (CFO), sẽ kế nhiệm CFO hiện tại Maggie Wu, hiệu lực từ ngày 1/4/2022. Hang Seng đón nhận thêm 4 cổ phiếu mới, tăng số lượng cổ phiếu trong chỉ số từ 60 lên 64. Trong khi đó, công ty bất động sản đang gặp rắc rối Evergrande sẽ bị loại khỏi chỉ số China Enterprises. Evergrande ngày 3/12 cảnh báo rằng công ty nhận được yêu cầu tái thanh toán khoảng 260 triệu USD. “Trong trường hợp công ty không thể đảm bảo nghĩa vụ tài chính có thể dẫn đến tình trạng chủ nợ tăng yêu cầu thành toán”. Cổ phiếu Evergrande lao dốc 11%. Chỉ số Kospi của Hàn Quốc giảm 0,57%. ASX 200 của Australia giảm 0,39%. Thị trường chứng khoán châu Á và toàn cầu gần đây biến động mạnh do lo ngại liên quan biến chủng Omicron.

### KBC: sắp thưởng cổ phiếu tỷ lệ 33,3%

Tổng công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc (HoSE: KBC) thông báo Nghị quyết HĐQT triển khai phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ vốn chủ sở hữu. Cụ thể, doanh nghiệp dự kiến phát hành 189,92 triệu cổ phiếu để thưởng cho cổ đông, tỷ lệ thực hiện 33,33%. Nguồn thực hiện từ thặng dư vốn cổ phần và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2020 theo BCTC riêng lẻ 2020 đã được kiểm toán. Vốn điều lệ tăng từ 5.757 tỷ đồng lên 7.656 tỷ đồng. Thời điểm thực hiện dự kiến quý IV/2021 đến quý I/2022, sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận. Trong tháng 9 và 10, doanh nghiệp bất động sản khu công nghiệp vừa chào bán thành công 100 triệu cổ phiếu riêng lẻ, giá 34.096 đồng/cp thu về 3.409,6 tỷ đồng. Đơn vị đã phân phối 88 triệu cổ phiếu cho nhà đầu tư trong nước và 12 triệu đơn vị cho nhà đầu tư nước ngoài.

### VCI: chốt quyền tạm ứng cổ tức tiền mặt tỷ lệ 12%

Chứng khoán Bản Việt (VCSC, HoSE: VCI) thông báo ngày 20/12 đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông tiến hành tạm ứng cổ tức đợt 1/2021 tỷ lệ 12%, 1 cổ phiếu được nhận 1.200 đồng. Ngày thanh toán dự kiến 29/12, số tiền chi ra khoảng 400 tỷ đồng. Tỷ lệ cổ tức kế hoạch năm 2021 của VCSC là 15%, tỷ lệ cụ thể sẽ do ĐHĐCĐ thường niên 2022 thông qua. 9 tháng, doanh nghiệp chứng khoán báo cáo doanh thu hoạt động đạt 2.574 tỷ đồng, tăng 141% so với cùng kỳ. Lãi trước thuế đạt 1.266 tỷ đồng, gấp 2,5 lần so với cùng kỳ và hoàn thành 101% kế hoạch năm. Lợi nhuận sau thuế ở mức 1.031 tỷ đồng, tăng 146%.

### SAM: dự kiến phát hành 250 tỷ đồng trái phiếu, lãi suất 10,5%/năm

HĐQT SAM Holdings (HoSE: SAM) vừa thông qua phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ năm 2021 với giá trị 250 tỷ đồng. Đây là loại trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền. Tài sản đảm bảo là cổ phiếu thuộc sở hữu của tổ chức phát hành hoặc bên thứ ba, hoặc các tài sản khác. Kỳ hạn trái phiếu 12 tháng, lãi suất cố định 10,5% được trả 6 tháng/lần. Thời gian phát hành dự kiến 8/12 hoặc một ngày khác nhưng không sớm hơn 1 ngày làm việc sau ngày công bố thông tin đến Sở Giao dịch Chứng khoán. Số tiền thu được từ đợt phát hành để bổ sung quy mô vốn hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Về tình hình tài chính, SAM Holdings có hơn 1.333 tỷ nợ vay tài chính tại cuối quý III, gấp hơn 2 lần đầu năm. Nguyên nhân chính đến từ phát sinh thêm 190 tỷ nợ vay ngắn hạn ông Trần Văn Hải và 434 tỷ đồng dư nợ trái phiếu. Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu là 29,6%.

### TMS: muốn mua thêm 25% cổ phần Cảng Mipec

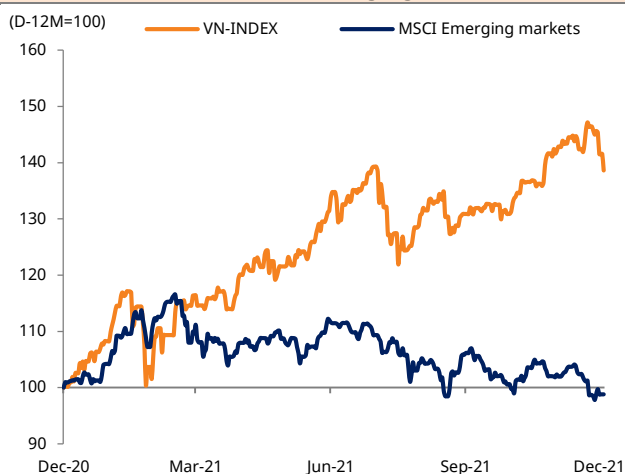
Transimex (HoSE: TMS) công bố Nghị quyết HĐQT thông qua mua 15,625 triệu cổ phần CTCP Cảng Mipec, tương đương 25% cổ phiếu đang lưu hành. Tổng giá trị đầu tư tính theo mệnh giá là hơn 156 tỷ đồng. Cảng Mipec là nhà khai thác bến cảng MPC Port nằm tại hạ lưu sông Cấm, thuộc khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, TP Hải Phòng. Đây là bến cảng chuyên dụng cho tàu chở hàng container, có thể tiếp nhận các tàu có trọng tải lớn đến 40.000 DWT với chiều dài đến 220 mét ra vào thường xuyên, liên tục và an toàn. Tại ngày 30/9, Transimex sở hữu 10,85% cổ phần tại Cảng Mipec, ngoài ra công ty còn 17 công ty con và liên kết khác. Tương tự Transimex, hầu hết các đơn vị thành viên là những doanh nghiệp logistics chuyên kinh doanh kho bãi và giao nhận vận chuyển.

### **VIC: IPO tại Mỹ, VinFast sẽ bán 5-10% cổ phần**

Chia sẻ về việc tái cấu trúc sở hữu VinFast để chuẩn bị chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng (IPO) tại Mỹ, bà Lê Thị Thu Thủy, Phó chủ tịch Tập đoàn Vingroup, cho biết sở dĩ Vingroup phải chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại VinFast Việt Nam cho VinFast Singapore là vì dù luật Việt Nam cho phép nhưng thực tế, việc niêm yết các công ty Việt Nam tại nước ngoài, nhất là tại Mỹ, chưa thực hiện được do thiếu sự liên thông về pháp lý và các cơ chế phối hợp liên quan. Do đó để có thể niêm yết tại Mỹ, VinFast bắt buộc phải thực hiện việc niêm yết qua VinFast Singapore vì Singapore là nước đã có sự liên thông với Mỹ trong lĩnh vực này. Theo vị phó chủ tịch này, nếu niêm yết thành công tại Mỹ thì sẽ mở ra cơ hội cho VinFast tiếp cận các nguồn vốn quốc tế để phục vụ cho chiến lược phát triển của mình. Cùng với đó là nâng vị thế VinFast lên tầm cao mới, góp phần hiện thực hóa chiến lược đưa VinFast trở thành thương hiệu toàn cầu. Việc này cũng sẽ giúp VinFast dễ dàng hơn khi tiếp thị và đưa các sản phẩm vào thị trường Mỹ. "Tập đoàn Vingroup xác định sứ mệnh của mình là xây dựng bằng được một thương hiệu Việt Nam có tầm vóc, đẳng cấp cao quốc tế chứ không phải đơn thuần là kinh doanh. Nếu chỉ tính từ góc độ kinh doanh thì chúng tôi đã không làm một dự án quá khó như vậy. Vì vậy sẽ không có chuyện bán hết VinFast!", Phó chủ tịch Vingroup Lê Thị Thu Thủy khẳng định. Theo bà Thủy, khi IPO tại Mỹ, VinFast sẽ chỉ bán 5 - 10% cổ phần, tức là nhà đầu tư nước ngoài sẽ chỉ nắm giữ tối đa 10% vốn điều lệ công ty. "Việc IPO tại Mỹ không có một mục tiêu nào khác ngoài việc tăng vốn, thu hút đầu tư công nghệ và kỹ thuật để phát triển VinFast theo đúng tầm nhìn và định hướng mà chúng tôi đã đặt ra", Phó chủ tịch Vingroup nhấn mạnh. Ngày 16/11/2021, trụ sở của VinFast Mỹ tại thành phố Los Angeles, bang California đã chính thức đi vào hoạt động với cam kết đầu tư hơn 200 triệu USD trong giai đoạn đầu và tạo ra ít nhất 1.065 việc làm toàn thời gian tại địa phương. Trải qua quá trình làm việc sát sao với chính quyền bang California, VinFast đã nhận được khoản ưu đãi thuế 20,5 triệu USD.

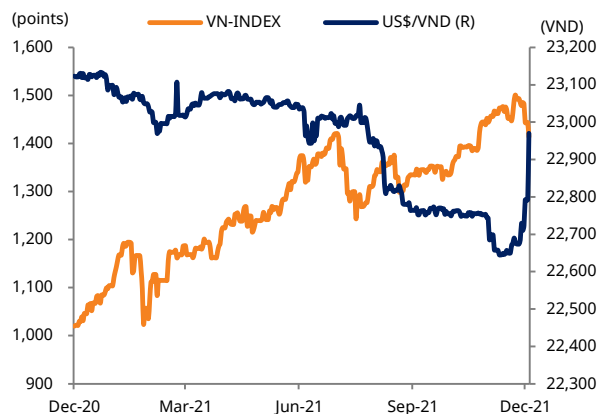


**Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets**



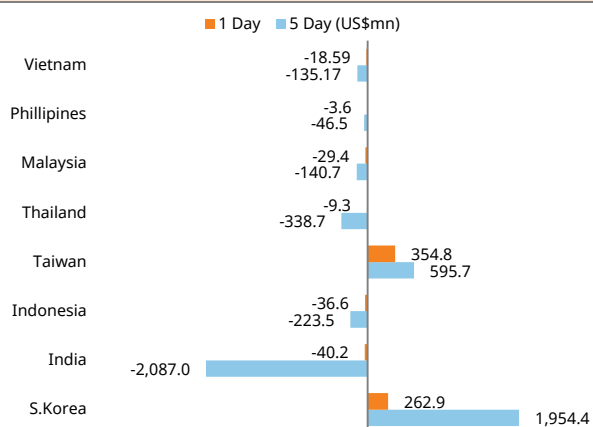
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND**



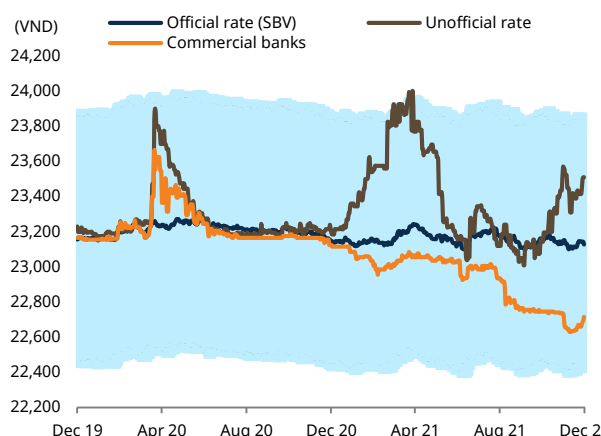
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài**



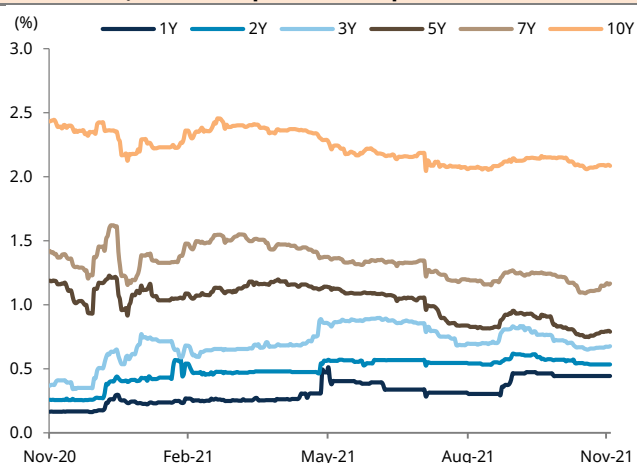
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND**



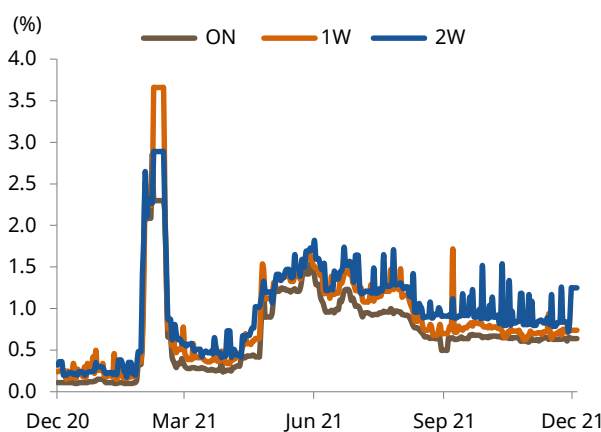
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ**



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng**



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30**

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
<b>VN30 Index</b>	<b>VN30 Index</b>	<b>1,480.92</b>	<b>3,907,773</b>		<b>-1.5</b>	<b>-4.6</b>	<b>-3.3</b>	<b>50.4</b>	<b>13.7</b>	<b>11.9</b>	<b>2.5</b>	<b>2.1</b>	<b>40.0</b>	<b>15.8</b>	<b>23.3</b>	<b>20.1</b>
Asia Commercial Bank	ACB VN	32,300	87,273	30.0	-0.8	-5.4	-3.6	47.9	9.1	7.0	1.9	1.5	26.8	29.5	24.0	24.3
BIDV	BID VN	41,950	168,724	16.7	-0.1	-5.7	-3.8	0.7	18.4	13.9	2.1	1.8	57.9	32.4	13.5	16.1
Bao Viet Holdings	BVH VN	57,500	42,684	26.4	-0.5	-7.3	-10.2	3.8	23.1	19.4	2.0	1.8	18.6	19.0	9.1	10.1
VietinBank	CTG VN	32,100	154,265	25.3	-2.7	-6.3	-1.8	19.4	11.8	8.5	1.6	1.4	-4.6	38.4	16.3	19.6
FPT Corp	FPT VN	94,500	85,756	49.0	-1.0	-3.7	-3.2	95.1	20.1	16.7	4.4	4.1	31.2	20.6	24.2	25.5
PetroVietnam Gas JSC	GAS VN	92,000	176,083	2.7	-4.8	-7.4	-24.8	7.6	18.8	14.7	3.5	3.2	21.7	27.7	19.3	22.0
Vietnam Rubber Group	GVR VN	36,000	144,000	0.6	-1.4	-2.2	-10.2	79.6	31.4	28.5	NA	NA	21.4	10.2	9.4	9.9
HDBank	HDB VN	29,100	57,973	17.1	-6.1	-7.6	9.0	67.6	10.1	9.1	2.0	1.6	35.1	11.3	21.1	19.4
Hoa Phat Group JSC	HPG VN	45,750	204,636	24.4	-4.1	-5.5	-19.2	67.2	5.3	6.2	2.0	1.5	201.0	-14.1	47.0	29.9
Khang Dien House Trading and Investment	KDH VN	43,300	27,839	31.5	-6.0	-5.3	-10.2	76.7	25.1	17.7	NA	2.4	-7.7	41.9	13.8	15.4
MBBank	MBB VN	27,500	103,904	23.2	-2.8	-7.7	-4.0	78.8	8.7	7.3	1.7	1.4	44.5	19.5	21.7	21.7
Masan Group Corp	MSN VN	151,000	178,261	32.2	0.0	-1.0	2.2	75.6	38.7	27.7	8.1	6.3	269.9	39.9	31.6	23.1
Mobile World Investment Corp	MWG VN	131,400	93,666	49.0	-1.6	-4.4	-0.5	73.0	20.4	14.8	4.7	3.8	11.4	38.4	26.6	28.0
No Va Land Investment Group Corp	NVL VN	111,000	163,570	8.0	0.0	0.7	5.7	152.2	39.1	25.2	4.5	3.9	-3.2	55.2	19.2	13.7
Phat Dat Real Estate Development Corp	PDR VN	95,600	47,109	3.3	0.7	1.7	0.7	170.0	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Vietnam National Petroleum Group	PLX VN	51,700	65,690	17.2	-3.0	-5.8	-4.1	1.8	20.5	16.5	2.9	2.8	267.5	24.6	14.7	16.3
Phu Nhuan Jewelry JSC	PNJ VN	91,200	20,736	47.3	-3.0	-7.0	-15.6	16.2	22.2	15.1	3.7	3.1	-4.6	46.8	18.3	23.3
PetroVietnam Power Corp	POW VN	13,900	32,552	3.0	2.6	3.3	6.9	20.3	17.9	14.1	1.0	1.0	-22.4	27.0	7.3	7.5
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corp	SAB VN	151,600	97,218	62.7	-3.4	-2.9	-11.9	-25.0	27.9	22.5	4.3	3.8	-23.8	24.2	17.6	19.4
SSI Securities Corp	SSI VN	51,000	50,100	38.6	1.0	-7.8	18.9	285.1	21.3	24.4	NA	NA	85.3	-12.7	19.9	14.7
Sacombank	STB VN	27,000	50,901	17.4	-3.6	-9.7	-2.4	73.1	16.4	12.3	1.5	1.3	31.9	33.2	10.5	12.1
Techcombank	TCB VN	49,000	172,035	22.5	-2.4	-6.3	-7.5	97.6	10.0	8.5	1.9	1.5	38.8	18.6	20.8	19.8
Tien Phong Bank	TPB VN	47,000	55,069	29.6	0.0	-0.4	8.0	114.6	11.6	9.5	2.2	1.7	18.9	22.2	21.2	20.2
Vietcombank	VCB VN	95,400	353,827	23.6	-2.7	-5.6	-2.2	4.7	17.0	14.1	3.1	2.5	25.2	21.1	20.2	20.3
Vinhomes JSC	VHM VN	79,700	347,043	23.1	-0.6	-6.0	-2.8	22.0	9.6	8.5	2.8	2.2	29.3	13.5	31.6	27.4
Vingroup JSC	VIC VN	105,600	401,831	13.5	0.1	0.3	11.2	12.3	132.7	150.0	4.2	4.2	-47.0	-11.6	3.4	3.0
Vietjet Aviation JSC	VJC VN	120,500	65,264	16.7	0.1	-3.6	-7.3	1.7	NA	33.8	NA	NA	-789.3	-495.1	0.4	16.2
Vietnam Dairy Products JSC	VNM VN	85,300	178,273	54.5	-0.6	-2.5	-4.4	-21.7	18.3	17.1	5.3	5.1	-2.0	6.7	32.9	33.2
VPBank	VPB VN	35,500	157,814	15.2	-0.6	-7.6	-6.5	129.9	12.5	10.6	1.8	1.6	19.3	17.8	17.9	16.0
Vincom Retail JSC	VRE VN	28,000	63,625	29.6	-0.4	-7.1	-10.3	0.0	33.8	23.0	2.1	1.9	-20.8	46.5	6.2	8.5

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (\*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

**Bảng 2: Biến động ngành**

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1D)	Vốn hóa (VND bn)	Biến động giá (%)				P/E (X)*		P/B (X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
			1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
<b>VN-Index</b>	<b>-29.74</b>	<b>5,622,710</b>	<b>-2.1</b>	<b>-4.8</b>	<b>-2.9</b>	<b>38.4</b>	<b>16.5</b>	<b>13.2</b>	<b>2.6</b>	<b>2.2</b>	<b>34.2</b>	<b>25.0</b>	<b>19.3</b>	<b>19.1</b>
Automobiles & Components	-0.08	9,506	-3.1	-4.4	-1.1	49.2	7.6	6.2	1.3	1.2	20.6	22.4	10.7	11.7
Banks	-10.87	1,667,520	-2.4	-5.7	-2.8	44.2	12.1	9.8	2.0	1.6	31.7	23.0	17.8	18.0
Capital Goods	-2.20	282,675	-2.8	-6.3	11.7	128.2	9.4	7.8	0.4	0.4	21.7	22.9	7.7	8.0
Commercial & Professional Services	-0.07	5,475	-5.0	-5.9	0.7	21.9	11.2	7.7	NA	NA	-7.8	45.5	8.0	11.1
Consumer Durables & Apparel	-0.42	48,506	-3.2	-4.8	-7.0	80.6	14.9	11.0	2.3	2.0	21.7	34.5	14.3	17.0
Consumer Services	-0.08	9,067	-2.9	-3.8	-2.8	29.1	NA	19.9	NA	NA	NA	NA	-8.8	2.6
Diversified Financials	-1.11	181,615	-2.0	-9.5	9.1	283.3	6.1	7.0	NA	NA	85.3	-12.7	5.8	4.3
Energy	-0.63	88,072	-2.7	-5.2	-5.8	20.6	37.9	16.1	2.4	2.3	NA	99.2	12.3	14.1
Food, Beverage & Tobacco	-2.13	579,979	-1.4	-2.2	-1.4	22.1	23.7	18.6	5.0	4.2	NA	11.1	23.7	21.3
Health Care Equipment & Services	-0.06	4,196	-4.8	-6.6	26.2	34.5	10.6	14.0	NA	NA	40.4	-23.7	12.1	10.1
Household & Personal Products	-0.01	1,612	-3.0	-3.4	-9.4	-8.7	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Insurance	-0.16	53,179	-1.1	-5.9	-9.6	13.5	20.3	17.1	1.8	1.6	19.9	18.7	8.2	9.2
Materials	-4.92	530,808	-3.4	-7.0	-12.7	91.6	13.4	12.6	1.3	1.0	NA	0.5	27.5	20.1
Media & Entertainment	0.00	1,480	0.1	1.0	2.1	-22.9	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Pharmaceuticals	0.01	34,383	-3.7	-6.2	2.2	68.2	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Real Estate	-3.01	1,307,814	0.2	6.5	8.8	25.9	13.4	11.4	1.8	1.6	4.1	18.6	11.2	11.8
Retailing	-0.37	106,679	-0.8	-2.9	3.4	56.6	51.9	54.2	2.9	2.6	-6.9	6.3	13.5	11.9
Software & Services	-0.26	93,021	-1.3	-4.1	1.3	74.6	19.4	14.3	4.3	3.4	42.6	38.0	24.0	25.3
Technology Hardware & Equipment	-0.06	10,696	-1.1	-3.7	-3.4	96.1	18.6	15.4	4.1	3.8	31.9	21.0	22.3	23.5
Telecommunication Services	-0.01	2,028	-2.1	-6.9	6.3	226.1	19.9	14.6	6.6	4.8	95.3	36.8	35.4	34.8
Transportation	-1.02	191,461	-2.1	-6.2	-15.4	406.5	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Utilities	-2.37	274,825	-2.0	-3.1	-6.4	35.5	7.1	14.4	0.5	0.5	28.9	NA	-271.2	32.9

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (\*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

## Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
POW VN	13,900	2.6	21,543,500	0.2
SSI VN	51,000	1.0	31,273,800	0.1
VND VN	73,900	1.2	9,022,800	0.1
VIC VN	105,600	0.1	5,825,100	0.1
ITA VN	13,400	3.1	27,059,800	0.1
PDR VN	95,600	0.7	7,532,800	0.1
CRE VN	37,500	4.2	2,272,900	0.1
VCF VN	261,000	4.4	700	0.1
HDG VN	74,000	2.2	1,771,200	0.1
SVC VN	117,800	6.7	3,800	0.1

Nguồn: Bloomberg

## Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
VCB VN	95,400	-2.7	1,008,600	-2.5
GAS VN	92,000	-4.8	1,232,300	-2.3
HPG VN	45,750	-4.1	34,633,900	-2.3
CTG VN	32,100	-2.7	12,851,200	-1.1
TCB VN	49,000	-2.4	22,907,100	-1.1
HDB VN	29,100	-6.1	9,007,300	-1.0
SAB VN	151,600	-3.4	121,600	-0.9
MBB VN	27,500	-2.8	16,336,900	-0.8
VIB VN	40,600	-4.2	3,609,200	-0.7
SHB VN	22,050	-4.1	13,085,500	-0.7

### Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.